

Số: 09 /QĐ-HTr

Tân Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN YÊN SỐ 2**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học ;

Căn cứ Quyết định số 71 ngày 11/01/2019 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 ;

Xét đề nghị của kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019 của Trường THPT Tân Yên số 2 ( theo biểu đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Trường THPT Tân Yên số 2 và các tổ chức có liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu: VT, KT



TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN YÊN SỐ 2

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Sở GD&ĐT)

**Trường THPT Tân Yên số 2**

Chương 422 Loại 070 khoản 074

Đơn vị: đồng

TT	CHI TIẾT	Dự toán năm 2019 (chưa trừ tiết kiệm)	Trừ 40% số thu tạo nguồn làm lương; trừ TK chi khác 10%	Dự toán năm 2019
<b>A</b>	<b>Thu sự nghiệp, dịch vụ</b>			
1	Thu từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá (Học phí)			
	- Học phí THPT	465.840.000		465.840.000
2	Chi từ các khoản thu			-
	- Trích 40% cải cách tiền lương (gồm Học phí, cấp bù MGHP, liên kết ĐT)		201.680.000	201.680.000
3	Thu dạy thêm, thu dịch vụ trông xe, thu khác	1.925.000.000		1.925.000.000
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>11.863.631.000</b>	<b>371.346.000</b>	<b>11.492.285.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>11.830.607.000</b>	<b>371.346.000</b>	<b>11.459.261.000</b>
1.1	- Chi lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp	10.070.581.000	201.680.000	9.868.901.000
1.2	- Chi PC thu hút, PC lâu năm, trợ cấp lần đầu, thăm quan học tập.... (theo NĐ 116, NĐ 61)	-	-	-
1.3	- Chi cho học sinh DTNT theo TT 109	-	-	-
1.4	- Thuê hợp đồng nấu ăn, bảo vệ	-	-	-
1.5	- Cấp bù miễn giảm học phí trường công lập	63.360.000		63.360.000
1.6	- Tổng số chi chuyên môn, MSSC, chi khác	1.696.666.000	169.666.000	1.527.000.000
	<i>Trong đó: Kinh phí sửa chữa mua sắm CSVC, thiết bị</i>	<i>508.999.800</i>		<i>508.999.800</i>
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>33.024.000</b>	<b>-</b>	<b>33.024.000</b>
2.1	- Học bổng DTNT	-	-	-
2.2	- Học bổng THPT Chuyên	-	-	-
2.3	- Chi tổ chức ôn luyện HSG quốc gia và quốc tế	-	-	-
2.4	- Chi chế độ HS theo NĐ 116/2016/NĐ-CP	-	-	-
2.5	- Chi chế độ HS khuyết tật theo TCTL 42/2013/TTLT	33.024.000		33.024.000
2.6	- Hỗ trợ chi sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất	-	-	-